

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2018/HS-ST
Ngày: 29-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thông;

Bà Vương Thị Vui.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 45/2018/TLST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2018/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn H, sinh năm 1997, tại Bình Thuận. Nơi cư trú: Thôn T, xã, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Chỗ ở hiện nay: Ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1967 và bà Trần Ngọc T, sinh năm 1979; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Ông T, sinh ngày 22/4/1999.

HKTT: Ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bà Q, sinh năm 1995 (chết).

HKTT: thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- Người đại diện hợp pháp của bị hại:

1. Bà N, sinh năm 1979 (mẹ ruột bà Q).

Ngụ tại: thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có mặt tại phiên tòa.

2. Cháu Đ, sinh ngày 11/01/2012 (con ruột bà Q).

Ngụ tại: Ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có mặt tại phiên tòa.

Người giám hộ cho cháu Đ: Ông K, sinh năm 1995. Ngụ tại: Ấp, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương (là cha ruột của Đ). Có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông H2, sinh năm 1954.

Ngụ tại: thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt có lý do.

2. Ông H3, sinh năm 1994.

Ngụ tại: Ấp CT, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn H là công nhân Công ty gỗ P tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương. H không có giấy phép lái xe theo quy định.

Ngày 15/8/2018, sau khi làm việc xong, H điều khiển xe mô tô biển số 59V1-326.69 chở bạn làm chung công ty là T đi đến quán lẩu bò tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện D để uống bia và đi công việc. Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, H chở T theo đường ĐT 744 hướng từ Ủy ban nhân dân xã T về Ủy ban nhân dân thị trấn D để về nhà trọ của H thuộc ấp B, xã T, huyện D. Khi đi đến đoạn đường thuộc ấp B, xã T do không chú ý quan sát và không giữ khoảng cách an toàn với xe đi liền trước nên xe của H đụng vào xe mô tô biển số 61F3-6639 do bà Q đang điều khiển phía trước cùng chiều. Hậu quả: H, T, Q bị té ngã, H và T bị thương nhẹ và được người dân đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương, Q được đưa đến bệnh viện Chợ Rẫy điều trị đến ngày 16/8/2018 thì tử vong.

Sau khi xảy ra tai nạn giao thông, hiện trường còn các dấu vết như sau:

Đoạn đường nơi xảy ra tai nạn giao thông là đoạn đường nhựa thẳng, có ngã ba giao nhau với đường giao thông nông thôn, mặt đường bằng phẳng, tầm nhìn của lái xe không bị che khuất, chiều rộng mặt đường là 15^m00, chiều rộng mặt đường giao thông nông thôn là 5^m00. Có vạch sơn trắng kẻ đường, hai vạch liền song song phân hai chiều đường, mỗi bên rộng 7^m50, chiều đường hướng Ủy ban nhân dân xã T đi Ủy ban nhân dân thị trấn D có vạch sơn đứt quãng phân làn đường, làn xe ô tô rộng 3^m90, làn xe mô tô rộng 3^m60, chiều đường hướng Ủy ban nhân dân thị trấn D đi Ủy ban nhân dân xã T không có vạch sơn kẻ đường. Lúc xảy ra tai nạn giao thông trời tối, có đèn đường chiếu sáng, mặt đường khô ráo.

+ Mốc làm chuẩn: Trụ điện số 218 trong lề trái (hướng từ Ủy ban nhân dân xã T đi Ủy ban nhân dân thị trấn D).

+ Mép đường làm chuẩn: Lề phải đường (hướng từ Ủy ban nhân dân xã T đi Ủy ban nhân dân thị trấn D).

Xe mô tô 59V1-326.69 (số thứ tự 5) đã được dựng dậy đẩy vào lề trái, đầu xe quay vào lề, hình chiếu vuông góc của trục sau và trục trước với mặt đường vào lề chuẩn là 14^m10 và 15^m20 .

Xe mô tô 61F3-6639 (số thứ tự 4) đã được dựng dậy đẩy vào lề trái, đầu xe quay vào lề, hình chiếu vuông góc của trục sau và trục trước với mặt đường vào lề chuẩn là 15^m60 và 16^m70 .

Trên mặt đường có hai vết cày: vết cày thứ nhất (số thứ tự 1) kéo dài chiều hướng từ Ủy ban nhân dân xã T đi hướng Ủy ban nhân dân thị trấn D, kích thước dài 26^m50 , rộng 0^m01 , đầu vết cày cách lề chuẩn là 7^m30 , cuối vết cày cách lề chuẩn là 8^m60 . Vết cày thứ hai (số thứ tự 2) kéo dài chiều hướng từ Ủy ban nhân dân xã T đi hướng Ủy ban nhân dân thị trấn D, kích thước dài 18^m70 , rộng 0^m01 , đầu vết cày cách lề chuẩn là 8^m70 , cuối vết cày cách lề chuẩn là 11^m60 .

Tại cuối vết cày thứ hai có một dấu vết xăng (số thứ tự 3) kích thước dài 0^m50 , rộng 0^m30 .

Trên mặt đường giao thông nông thôn có một áo thun màu trắng (số thứ tự 6), giữa áo cách lề chuẩn là 19^m80 và cách trục sau xe mô tô 61F3-6639 là 3^m00 .

Từ trục sau xe mô tô 61F3-6639 đến trục sau xe mô tô 59V1-326.69 là 4^m60 .

Từ trục trước xe mô tô 61F3-6639 đến trục trước xe mô tô 59V1-326.69 là 5^m50 .

Từ đầu vết cày thứ nhất đến đầu vết cày thứ hai là 9^m00 .

Từ cuối vết cày thứ nhất đến cuối vết cày thứ hai là 2^m50 .

Từ cuối vết cày thứ nhất đến trục sau xe 61F3-6639 là 3^m70 .

Từ cuối vết cày thứ nhất đến trục sau xe 59V1-326.69 là 5^m70 .

Từ cuối vết cày thứ hai đến trục sau xe 59V1-326.69 là 8^m50 .

Từ đầu vết cày thứ nhất và đầu vết cày thứ hai đến trụ điện số 218 (số thứ tự 7) là 13^m90 và 12^m70 .

Quá trình khám nghiệm, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng tạm giữ hai xe mô tô: xe mô tô biển số 59V1-326.69 và 61F3-6639.

Kết luận giám định pháp y tử thi số 642/PC54-GDPY ngày 20/8/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: nguyên nhân chết của nạn nhân Q là do chấn thương sọ não (vỡ xương hộp sọ, dập não, xuất huyết não).

Phiếu kết quả xét nghiệm nồng độ cồn của Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương xác định nồng độ cồn trong máu của Nguyễn Văn H là $27,1 \text{ mmol/L}$ (bút lục số 203) thể hiện tại hồ sơ bệnh án của Nguyễn Văn H. Theo Nghị định số 134/2007/NĐ-CP ngày 15/8/2007 quy định về đơn vị đo lường chính thức chính

phủ và Quyết định số 996/QĐ-BYT ngày 23/3/2010 của Bộ y tế quy định đơn vị mg/L hoặc mmol/L thì nồng độ cồn trong máu của Nguyễn Văn H là 124,87miligam/100mili lít.

Kết luận định giá tài sản số 23/KL-HĐĐG ngày 22/10/2018 kết luận: thiệt hại xe mô tô 61F3-6639 là 1.405.000 đồng.

Đại diện theo pháp luật của người bị hại gồm: Bà N (mẹ ruột của Q); cháu Đ, sinh ngày 11/01/2012 (con ruột của Q), giám hộ cho cháu Đ là ông K, sinh năm 1995 (cha ruột của Đ). Ông K yêu cầu Nguyễn Văn H cấp dưỡng nuôi cháu Đ mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, H đồng ý cấp dưỡng theo yêu cầu của ông K. Ngày 17/9/2018, bà N đã nhận 69.000.000 đồng tiền bồi thường chi phí điều trị và mai táng, hiện bà N không có yêu cầu gì thêm.

Đối với T, do thương tích nhẹ nên không có yêu cầu gì.

Tình tiết tăng nặng: Không.

Thu giữ và xử lý vật chứng:

Đối với xe mô tô biển số 59V1-326.69, số máy 55P1-137572, số khung 55P10CY137565, Nguyễn Văn H cung cấp Giấy đăng ký là bản pho to, tên đăng ký Trần Văn P, địa chỉ tại đường H, Phường C, quận G. Quá trình điều tra xác định, biển số xe 59V1-326.69 là của Trần Thị Thanh H3, địa chỉ tại đường T, Phường A, quận G; xe mô tô có số máy 55P1-137572, số khung 55P10CY137565 là của Nguyễn Thanh H4, sinh năm 1992, địa chỉ tại ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, xe có biển số 63B4-129.07. Hiện tại, tại địa chỉ đường H, Phường C, quận G và đường T, Phường A, quận G và đường H, Phường C, quận G không có ai tên Trần Văn P và Trần Thị Thanh H3. Đối với xe mô tô có số máy 55P1-137572, số khung 55P10CY137565 ông H4 bị mất năm 2017. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng đang phối hợp cùng Công an huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang để xử lý chiếc xe trên. Đối với biển số xe 59V1-326.69, do liên quan đến xe mô tô bị mất của ông Nguyễn Thanh H4 nên giao cho Công an huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang để xử lý chung trong vụ án.

Đối với xe mô tô biển số 61F3-6639 do ông H2 sinh năm 1954, thường trú tại thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương đứng tên trong Giấy đăng ký mô tô, xe máy. Năm 2014, H2 bán xe cho H3, sinh năm 1994, thường trú tại ấp CT, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương. H3 cho Q mượn để đi làm. Xét thấy cần trả lại xe này cho ông H3. Ông H3 yêu cầu Nguyễn Văn H bồi thường tiền sửa xe mô tô.

Tại bản Cáo trạng số 42/CT-VKSĐT-HS ngày 01/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội “Vi phạm quy

định về tham gia giao thông đường bộ”. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điểm a, b Khoản 2 Điều 260; Điểm b, s Khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo từ 01 năm 08 tháng đến 02 năm tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585, 586, 591 Bộ luật Dân sự năm 2015. Bị cáo Nguyễn Văn H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Đ, sinh ngày 11/01/2012 mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi cháu Đ trưởng thành đủ 18 tuổi.

- Về vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trao trả cho ông H3 chiếc xe mô tô mang biển số 61F3-6639.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn H thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để có điều kiện cải tạo thành người công dân tốt.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị hại bà N trình bày: Bị cáo H đã bồi thường chi phí mai táng cho gia đình bị hại số tiền 69.000.000 đồng, đại diện hợp pháp của bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, người giám hộ cho cháu Đ (ông K) trình bày: Bị cáo H đã bồi thường chi phí mai táng cho gia đình bị hại số tiền 69.000.000 đồng, đại diện hợp pháp của bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Ông K yêu cầu bị cáo có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Đ mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Đ trưởng thành đủ 18 tuổi và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự và không ai khiếu nại gì về việc tiến hành các hoạt động tố tụng đối với vụ án.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn H khai nhận, khoảng 19 giờ 30 phút ngày 15/8/2018 sau khi uống bia cùng T tại quán lẩu bò toạ lạc tại ấp B, xã T xong, H điều khiển xe mô tô biển số 59V1-326.69 chở T đi theo đường ĐT 744 hướng từ Ủy ban nhân dân xã T về Ủy ban nhân dân thị trấn D để về nhà trọ của H thuộc ấp B, xã T, huyện D với vận tốc 60-70km/h. Khi đi đến đoạn đường thuộc ấp B, xã T do không chú ý quan sát và không giữ khoảng cách an toàn với xe đi liền trước nên xe của H đụng vào đuôi xe mô tô biển số 61F3-6639 do Q đang điều khiển chạy phía trước cùng chiều. Hậu quả: H và T bị thương nhẹ, bà Q tử vong.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, có căn cứ kết luận bản Cáo trạng số 42/CT-VKSDT-HS ngày 01/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a, b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Bị cáo là người có đầy đủ năng lực để nhận thức được việc điều khiển xe trong tình trạng có sử dụng rượu vượt mức quy định và việc điều khiển xe khi không có giấy phép lái xe là vi phạm Luật Giao thông đường bộ. Thế nhưng, do sự bất cẩn, chủ quan, coi thường pháp luật của bị cáo đã gây ra cái chết thương tâm cho bị hại, gây đau thương, mất mát cho gia đình bị hại. Đồng thời, làm ảnh hưởng lớn đến an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án.

[4] Để đảm bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, mà đặc biệt là tội phạm an toàn công cộng, vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ trên địa bàn huyện D nói riêng và cả nước nói chung, cần phải xử lý nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội nhằm có điều kiện cải tạo, giáo dục cho bị cáo thành người công dân tốt và cũng nhằm răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Tại phiên tòa bị cáo tỏ ra ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo; bị cáo đã bồi thường chi phí mai táng cho gia đình bị hại; người đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn. Đó là những tình tiết quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Căn cứ vào tính chất hành vi và mức độ phạm tội, đồng thời để bị cáo nhận thấy được tính khoan H của pháp luật, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng mức hình phạt của khung hình phạt liền kề nhằm giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[6] Xét ý kiến luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo về phần tội danh, điều khoản truy tố và hình phạt là có căn cứ phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị hại bà N trình bày: Bị cáo H đã bồi thường chi phí mai táng cho gia đình bị hại số tiền 69.000.000 đồng, người đại diện hợp pháp của bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm, nên không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, người giám hộ cho cháu Đ (ông K) trình bày: Ông K và bà Q tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2011, nhưng không có đăng ký kết hôn, ông K, bà Q có 01 con chung tên Đ, sinh ngày 11/01/2012. Do xảy ra mâu thuẫn nên ông K, bà Q đã không chung sống với nhau từ tháng 7/2015 và ông K vẫn tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đ đến nay. Bị cáo H đã bồi thường chi phí

mai táng cho gia đình bị hại số tiền 69.000.000 đồng, ông K không yêu cầu bồi thường gì thêm. Ông K yêu cầu bị cáo H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Đ mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi cháu Đ trưởng thành đủ 18 tuổi. Bị cáo H đồng ý cấp dưỡng nuôi dưỡng cháu Đ mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Đ trưởng thành đủ 18 tuổi theo yêu cầu của ông K, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tại phiên toà, bị hại ông T trình bày: Khi xảy ra tai nạn, bị hại T bị thương tích nhẹ nên không có yêu cầu gì đối với bị cáo H. Quá trình tố tụng, bị hại T đã giao cho bị cáo H 25.000.000 đồng để phụ bị cáo bồi thường thiệt hại cho gia đình người bị hại (bà N), bị hại T không có yêu cầu gì đối với số tiền này, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về vật chứng:

- Đối với xe mô tô mang biển số 59V1-326.69, số máy 55P1-137572, số khung 55P10CY137565. Tại phiên toà, bị cáo H trình bày đã mua chiếc xe mô tô này qua mạng của một người thanh niên không rõ lý lịch, bị cáo H đã giao đủ tiền và người này đã giao cho H 01 bản phô tô giấy đăng ký xe do Trần Văn P, địa chỉ tại đường H, Phường C, quận G đứng tên đăng ký.

Quá trình điều tra xác định, biển số xe 59V1-326.69 là do bà Trần Thị Thanh H3, địa chỉ tại đường T, Phường A, quận G đứng tên đăng ký. Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Dầu Tiếng đã tiến hành xác minh tại địa chỉ đường H, Phường C, quận G và đường T, Phường A, quận G và đường H, Phường C, quận G được biết, không có ai tên Trần Văn P và Trần Thị Thanh H3 đăng ký thường trú tại địa chỉ trên.

Xe mô tô có số máy 55P1-137572, số khung 55P10CY137565 là của Nguyễn Thanh H4, sinh năm 1992, địa chỉ tại ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, xe có biển số 63B4-129.07, chiếc xe này ông Nguyễn Thanh H4 đã bị mất năm 2017. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng đang phối hợp cùng Công an huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang để xử lý chiếc xe trên nên không xem xét giải quyết.

Đối với biển số 59V1-326.69, do liên quan đến xe mô tô bị mất của Nguyễn Thanh H4 nên giao cho Công an huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang để xử lý chung trong vụ án là phù hợp.

- Đối với xe mô tô biển số 61F3-6639 do ông H2, sinh năm 1954, thường trú tại thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương đứng tên đăng ký sở hữu. Quá trình tố tụng, ông H2 trình bày đã bán chiếc xe này cho H3 vào năm 2014, nay ông H2 không có yêu cầu gì đối với chiếc xe này.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông H3 trình bày đã mua chiếc xe mô tô biển số 61F3-6639 của ông H2 vào năm 2014, ông H3 đã giao đủ tiền và ông H2 giao xe cho ông H3 sử dụng nhưng không làm thủ tục chuyển quyền sở hữu. Ông H3 đã cho bà Q mượn xe mô tô này để đi làm. Xét thấy, đây là tài sản hợp pháp của ông H3 nên trao trả xe mô tô biển số 61F3-6639 cho ông H3 là phù hợp.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông H3 không yêu cầu bị cáo H bồi thường chi phí sửa chữa đối với xe mô tô biển số 61F3-6639, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 260; Điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

2. Trách nhiệm dân sự:

Căn cứ các Điều 584, 585, 586, 591 Bộ luật dân sự năm 2015:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Đ, sinh ngày 11/01/2012 mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi cháu Đ trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông K có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo H không thanh toán số tiền trên thì hàng tháng bị cáo H còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ Luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Trao trả cho ông H3 chiếc xe mô tô mang biển số 61F3-6639.

4. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn H phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Công an huyện Dầu Tiếng;
- CCTHADS huyện Dầu Tiếng;
- PV 27 - Công an tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- UBND xã T;
- UBND xã Thắng Hải;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS; VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Huyền

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trương Hữu Bình Nguyễn Thị Thu Thu Nguyễn Thị Huyền